TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2022/DS-PT
Ngày: 19-5-2022
V/v "Tranh chấp về thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒAÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Mai.

Các thẩm phán:

1. Bà Lê Thị Thu Trang;

2. Bà Phan Thị Mai Dung.

- Thư ký phiên tòa:Bà Dương Thị Kiều Trang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa :Bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2021/TLPT-DSngày 29 tháng 11 năm 2021 về việc "*Tranh chấp thừa kế tài sản*"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số:83/2021/DS-ST ngày 20 tháng 10 năm 2021, của Toà án nhân thành phố T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:56/2022/QĐ-PT ngày 11 tháng 3năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Xuân Th, sinh năm 1975; cư trú tại: Số 14 đường 3/2, Khu phố 2, Phường 3, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền:*Anh Võ Văn S, sinh năm 1971; cư trú tại: khu phố 3, Phường 3, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 22/12/2021); có mặt.

- Bị đơn:

Anh Ngô Kỳ Sinh Nh, sinh năm 1974; cư trú tại: Số 16 đường 3/2, Khu phố 2, Phường 3, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1949; cư trú tại: ấp Phước Long 1, xã P,

Huyện D, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của anh Nh, ông Đ:*Anh Trần Quốc T, sinh năm 1987; cư trú tại: Số 171 đường Nguyễn Trọng Cát, khu phố H, phường H1, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị Tuyết Ng, sinh năm 1959; cư trú tại: ấp B, xã T1, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Chị Trần Bích N, sinh năm 1979; cư trú tại: Số 16 đường 3/2, Khu phố 2, Phường 3, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3. Anh Ngô Tấn L1, sinh năm 1979; cư trú tại: Số 16 đường 3/2, Khu phố 2, Phường 3, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

4. Anh Ngô Tấn L, sinh năm 1982: cư trú tại: ấp T2, xã T3, huyện T4, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

5. Chị Ngô Thị Bích V, sinh năm 1976; cư trú tại: ấp P1, xã P2, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

6. Ông Dương Văn T5, sinh năm 1960 (có mặt) và bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1962; cùng cư trú tại: Số 18 đường 3/2, Khu phố 2, Phường 3, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; (vắng mặt).

7. Anh Phạm Đăng V1, sinh năm 1976 (có mặt) và chị Nguyễn Thị Ngọc H3, sinh năm 1976; cùng cư trú tại: Số 532 đường Cách mạng tháng Tám, Khu phố 3, Phường 3, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

8. Anh Lê Thành N1, sinh năm 1993; cư trú tại: Số 14 đường 3/2, Khu phố 2, Phường 3, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

9. Ông Ngô Kỳ Tr, sinh năm 1953; cư trú tại: 14 đường 3/2, khu phố 2, Phường 3, thành phô Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

10. Bà Lê Thị H4, sinh năm 1944; cư trú tại: ấp C1, xã C2, huyện G, tỉnh Tây Ninh;vắng mặt.

Người kháng cáo: Chị Lê Thị Xuân Th (nguyên đơn) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Tuyết Ng, anh Ngô Tấn L1, anh Ngô Tấn L, chị Ngô Thị Bích V, anh Lê Thành N1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 13 tháng 10 năm 2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 10-11-2020 và ngày 11-5-2021, quá trình giải quyết vụ án, nguyên

đơn chị Lê Thị Xuân Th và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Cụ Lê Văn N2, sinh năm 1913 chết năm 1962 và cụ Triệu Thị D1, sinh năm 1921 (chết năm 2005) là ông, bà ngoại của chị Th. Trước khi chết cụ N2 và bà D1 cùng sống tại địa chỉ số 16 đường 3/2, khu phố 2, Phường 3, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Quá trình chung sống cụ N2, cụ D1 có 04 người con:

- Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1941;

- Bà Lê Thị X, sinh năm 1953 (chết ngày 18/6/1995); có chồng tên Ngô Kỳ Tr và 04 người con tên:

+ Ngô Kỳ Sinh Nh, sinh năm 1974;

+ Ngô Thị Bích V, sinh năm 1976;

+ Ngô Tấn L1, sinh năm 1979;

+ Ngô Tấn L, sinh năm 1981.

- Bà Lê Thị Tuyết A, sinh năm 1956 chết năm 2017; bà Tuyết A không có chồng chỉ có 02 người con nuôi tên:

+ Lê Thị Xuân Th, sinh năm 1975;

+ Lê Thành N1, sinh năm 1993.

- Bà Lê Thị Tuyết Ng, sinh năm 1958

Khi còn sống,cụ D1, cụ N2có tạo lập được tài sản là phần đất tại thửa 153, 159 tờ bản đồ số 44 diện tích 475,80 m^2 đất tọa lạc tại khu phố 2, Phường 3, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, hiện nay giấy CNQSDĐ do ông Đ, anh Nh đứng tên.

Chị Th và anh N1 yêu cầu được hưởng một kỷ phần thừa kế theo quy định pháp luật phần đất diện tích 193,5 m^2 thuộc thửa 30, 159; tờ bản đồ số 44, đất tọa lạc tại Khu phố 2, Phường 3, thành phố T và yêu cầu hủy di chúc ngày 17-9-2002, hủy giấy CNQSDĐ cấp cho anh Nh và ông Đ. Ngoài ra, chị không còn yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Ngô Kỳ Sinh Nh, người đại diện theo ủy quyền cũa anh Nh trình bày:

Anh Nh thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn quan hệ nhân thân, còn về nguồn gốc phần đất tranh chấp là tài sản của riêng cụ Triệu Thị D1.

Trước khi chết, cụ D1có lập di chúc, có chứng thực của Ủy ban nhân dân Phường 3, thị xã Tây Ninh (nay là thành phố T) vào ngày 17-9-2002, phân

chia tài sản cụ thể như sau:

- Ông Đ được thừa kế phần đất diện tích 324 m^2(thửa mới 30, tờ bản đồ số 44, diện tích theo Giấy CNQSDĐ là 318,3 m^2 đất tọa lạc tại Khu phố 2, Phường 3, thành phố T, tỉnh Tây Ninh), ông Đ được cấp giấy CNQSDĐ năm 2007 và 01 căn nhà cấp 4 trên đất.

- Anh Nh được thừa kế phần đất diện tích 157,5 m^2 (thửa mới số 159, tờ bản đồ số 44 đất tọa lạc tại Khu phố 2, Phường 3, thành phố T, tỉnh Tây Ninh), giấy đất được cấp năm 2007 cho anh Nh đứng tên (tài sản riêng của anh Nh) và 01 căn nhà cấp 4 trên đất.

Phần đất của anh Nh hiện nay đã chuyển nhượng cho Ông T5 và bà H2, đã nhận tiền cọc và ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Anh Nh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị Th vì hiện nay, anh Nh đã được thừa kế phần đất theo quy định pháp luật và anh hiện đang đứng tên trên giấy CNQSDĐ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Bị đơn ông Lê Văn Đ, người đại diện theo ủy quyền của ông Đ trình bày:

Anh Nh, ông Đ được hưởng thừa kế theo quy định pháp luật, di chúc được Ủy ban nhân dân Phường 3 chứng thực, đã được cấp giấy CNQSDĐ đúng quy định pháp luật, được quyền chuyển nhượng cho người khác nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- *Chị Trần Bích N trình bày:*Chị N thống nhất lời trình bày của anh Nh, không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

-*Anh Ngô Tấn L1, anh Ngô Tấn L, chị Ngô Thị Bích V trình bày:* Các anh chị yêu cầu được chia thừa kế theo quy định pháp luật.

- *Bà Lê Thị Tuyết Ng, bà Lê Thị H4 trình bày:*Yêu cầu được chia thừa kế và hưởng một kỷ phần theo quy định pháp luật.

-*Ông Ngô Kỳ Tr trình bày:*Ông yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật.

-*Anh Lê Thành N1 và người đại diện theo ủy quyền của anh N1 trình bày:* Anh N1 thống nhất với lời trình bày của chị Th, anh yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật.

-*Ông Dương Văn T5, bà Nguyễn Thị H2 trình bày:* Vợ chồng ông bà có nhận chuyển nhượng hai phần đất:

- Nhận chuyển nhượng từ ông Đ phần đất trích từ thửa 30 thành thửa mới 276, tờ bản đồ số 44, diện tích 131 m^2, đất tọa lạc tại Khu phố 2, Phường 3, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Phần đất của ông Đ nhận chuyển nhượng giá 2.900.000.000 đồng.

- Nhận chuyển nhượng từ anh Nh và chị N phần đất thửa 159, tờ bản đồ số 44 diện tích 121,3 m^2 đất tọa lạc tại khu phố 2, Phường 3, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Nhận chuyển nhượng phần đất này của anh Nh với giá 3.420.000.000 đồng.

Tổng giá trị chuyển nhượng hai phần đất là 6.320.000.000 đồng.

Ông T5, bà H2 và ông Đ, anh Nh và chị N đã làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có công chứng tại Văn phòng công chứng Trần Duy Linh. Ông, bà đã đưa trước cho anh Nh, chị N và ông Đ là 3.820.000.000 đồng. Số tiền còn lại sau khi nộp hồ sơ ở Văn phòng đăng ký đất đai sẽ giao hết số tiền còn lại nhưng do có tranh chấp thừa kế nên chưa thực hiện được thủ tục sang tên giấy CNQSDĐ. Bản chính giấy CNQSDĐ số AD9 880998, thửa số 159, tờ bản đồ số 44, diện tích 157,5 m^2, giấy CNQSDĐ cấp ngày 01-02-2007 do anh Nh đứng tên chủ sử dụng.

Đối với yêu cầu chia thừa kế của chị Th thì ông, bà không có ý kiến. Ông, bà không có khởi kiện độc lập trong vụ án này, sau này nếu quyền lợi của ông bà ảnh hưởng thì sẽ khởi kiện ở một vụ án khác.

-Anh Phạm Đăng V, chị Nguyễn Thị Ngọc H3 trình bày:

Anh V,chị Hồng có nhận chuyển nhượng từ ông Đ phần đất trích từ thửa 30 thành thửa mới 277, tờ bản đồ số 44, diện tích 165,6 m^2, đất tọa lạc tại Khu phố 2, Phường 3, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Phần đất của ông Đ nhận chuyển nhượng giá 3.575.000.000 đồng.

Giữa anh, chị và ông Đ đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có công chứng tại Văn phòng công chứng Trần Duy Linh và giao trước cho ông Đ 2.400.000.000 đồng. Số tiền còn lại sau khi nộp hồ sơ ở Văn phòng đăng ký đất đai sẽ giao hết số tiền còn lại nhưng do có tranh chấp thừa kế nên chưa thực hiện được thủ tục sang tên giấy CNQSDĐ. Bản chính giấy CNQSDĐ số AD 880998, thửa số 30, tờ bản đồ số 44, diện tích 318,3 m^2, giấy CNQSDĐ cấp ngày 01-02-2007 do ông Đ đứng tên chủ sử dụng.

Đối với yêu cầu chia thừa kế của chị Th anh, chị không có ý kiến. Anh, chị không có khởi kiện độc lập trong vụ án này, sau này nếu quyền lợi của anh

chị ảnh hưởng thì sẽ khởi kiện ở một vụ án khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 83/2021/DS-ST ngày 20 tháng 10 năm 2021, của Toà án nhân thành phố T, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ Điều 649, 650, 651, 652, 655, 656, 660, 661 Bộ luật Dân sự 1995;

Căn cứ điểm a Khoản 7 Điều 27; Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Xuân Th về "Tranh chấp về thừa kế tài sản, yêu cầu hủy di chúc, hủy giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất" đối với ông Lê Văn Đ, anh Ngô Kỳ Sinh Nh.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố khác và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/11/2021,bà Lê Thị Xuân Th có đơn kháng cáo đề nghị tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 03/11/2021, bà Lê Thị Tuyết Ng, anh Ngô Tấn L1, anh Ngô Tấn L, chị Ngô Thị Bích V vàanh Lê Thành N1có đơn kháng cáo đề nghị tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên kháng cáo. Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Tài sản tranh chấp là tài sản chung của vợ chồng cụ N2vàcụ D1 nhưng cấp sơ thẩm xác định là tài sản riêng của cụ D1 là không chính xác; Di chúc không có người làm chứng là không hợp pháp theo quy định tại Điều 655 của Bộ luật Dân sự nên đề nghị hủy bỏ di chúc và đề nghị chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, khi cụ D1 còn sống đã cho ông Nhựt và bà Tuyết Amỗi người 5m ngang đất để cất nhà ở, đề nghị công nhận việc tặng cho này và chỉ yêu cầu chia phần đất có căn nhà thờ của cụ D1 cho những người thừa kế. Vụ án có dấu hiệu bỏ sót người tham gia tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp đã được Ủy ban nhân dân thành phố T trả lời bằng văn bản xác định là tài sản riêng của cụ D1. Tại phiên tòa, các bên đều xác định cụ D1 tự bán đất, tự định đoạt tài sản của mình; Ủy ban nhân dân Phường 3, thành phố T trả lời việc chứng thực đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

-Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên hủy bản án dân sự sơ thẩm số 83/2021/DS-ST ngày 20 tháng 10 năm 2021, của Toà án nhân thành phố T, tỉnh Tây Ninh, do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và thu thập chứng cứ chưa đầy đủ mà cấp phúc thẩm không khắc phục được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứutài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ ánđã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Lê Thành N1 (người kháng cáo), có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N1.

Về hàng thừa kế: Tòa án cấp sơ thẩm có đưa bà Lê Thị H4, là con của cụ N2với người vợ trước vào tham gia tố tụng trong vụ án, bà H4 có yêu cầu được hưởng thừa kế của cụ N2vàcụ D1, nhưng cấp sơ thẩm không làm rõ người vợ trước của cụ N2là ai; cụ N2và người vợ trước chung sốngcó bao nhiêu người con. Tại cấp phúc thẩm, bà H4 trình bày cụ N2chung sống với mẹ của bà là cụ Nguyễn Thị Ch, sinh được 07 người con, hiện nay có người còn sống, có người đã chết. Tòa án phải xác định đầy đủ người thừa kế, hàng thừa kế theo pháp luật, đưa họ vào tham gia tố tụng và làm rõ yêu cầu của họ về những vấn đề liên quan đến di sản và di chúc, nhưng cấp sơ thẩm chưa đưa đầy đủ những người con, cháu của cụ N2và cụ Chtham gia tố tụng là ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của họ, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[2] Về di sản thừa kế: Các đương sự đều xác địnhphần đất tranh chấp có nguồn gốc của cụ Nghĩa, cụ D1 tạo lập và cất nhà sinh sống đến khi chết. Sau khi cụ N2chết, đến năm 1992, cụ D1 được Ủy ban nhân dân thị xã Tây Ninh giao đất theo Quyết định số 61/QĐ-UB ngày 17/01/1994 với diện tích 1.134 m^2. Ngày 20-01-1994, cụ D1 chuyển nhượng cho người khác diện tích 428,7 m^2. Ngày 06-9-2002, cụ D1 được cấp Giấy chứng nhận QDSDĐ và QSH nhà với

diện tích 705,3 m^2. Ngày 17-10-2002, cụ D1 cùng các con chuyển nhượng diện tích 229,5 m^2. Ngoài ra, ông Đ còn khai phần đất đang tranh chấp trước đây cụ N2được chính quyền chế độ cũ cấp giấy tờ sở hữu. Như vậy, dù cụ N2có đứng tên trong giấy tờ nhà đất hay không thì nhà đất đó vẫn là tài sản chung của cụ N2vàcụ D1 trong thời kỳ hôn nhân.Cấp sơ thẩm nhận định do cụ N2đã chết năm 1962, đến năm 1994 cụ D1 mới được Nhà nước giao quyền sử dụng đất nên tài sản tranh chấp là tài sản riêng của cụ D1 là thiếu căn cứ, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đấtcho cụ D1 không làm mất quyền về tài sản của cụ Nghĩa.Do đó, trường hợp xác định phần đấtdiện tích1.134 m^2 là tài sản chung của cụ D1 vàcụ N2thì cần xem xét việc cụ D1 đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất trước đó là dùng cho mục đích cá nhân hay sử dụng chung cho những người thừa kế để xác định diện tích đất còn lại là 475,80 m^2cụ D1 có quyền địnhđoạt toàn bộ hay chỉ một phần. Từ đó, mới có cơ sở xác định được tính hợp pháp của di chúc theo quy định tại Điều 655 của Bộ luật Dân sự năm 1995.

[3] Mặt khác, xét tính hợp phápcủa "Tờ di chúc" lập ngày 07-9-2002 thấy rằng: Tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn cho rằng di chúc được lập không đúng với ý chí của cụ D1 vì thời điểm lập di chúc, cụ D1đã già, sức khỏe yếu, không còn minh mẫn, không thể tự mình đi đến Ủy ban nhân dân để lập di chúc, cụ D1 cũng không biết chữ nhưng khi chứng thực di chúc không có người làm chứng, do đó yêu cầu hủy bỏ chúc của cụ D1. Cấp sơ thẩm không thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc chứng thực để xác định trình tự, thủ tục chứng thực có đúng quy định hay không, không lấy lời khai các đương sự để xác định tình trạng sức khỏe cũng như việc cụ D1 có biết chữ hay không.

[4] Tại cấp phúc thẩm, các bên đương sựđều xác định cụ D1 không biết chữ; thời điểm lập di chúc, cụ D1 đã 81 tuổi. Qua xác minh, Ủy ban nhân dânPhường 3, thành phố T xác nhận không còn lưu giữ tài liệu, sổ sách liên quan đến việc chứng thực di chúc, hồ sơ sổ sách thất lạc trong quá trình di chuyển kho lưu trữ, do đó, không có cơ sở xác định được việc chứng thực có đảm bảo thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định hay không.Mặc dù người xác nhận di chúc nguyên làChủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 3 trình bày việc chứng thực là đúng trình tự, thủ tục quy định;tuy nhiên,căn cứ quy định tạikhoản 3 Điều 655 của Bộ luật Dân sự năm 1995: "Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ phải được người làm chứng lập thành văn bản và có chứng nhận của Công chứng nhà nước hoặc chứng thực của Uỷ ban

nhân dân xã, phường, thị trấn". Di chúc của cụ D1 không có người làm chứng là không đúng với quy định tại điều này.

[5] Tại Điều 50 của Nghị định 75/2000/NĐ-CP ngày 08-12-2000 của Chính phủ về Công chứng, chứng thực có quy định: "*...Người công chứng, chứng thực di chúc phải xác định trạng thái tinh thần của người lập di chúc"* nhưngtại phần xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 3 không thể hiện số chứng thực, không có nội dung xác nhận trạng thái tinh thần của cụ D1. Do đó, việc cấp sơ thẩm công nhận di chúc hợp pháp là thiếu căn cứ.

[6] Ngoài ra, trong hồ sơ vụ án còn thể hiện: Anh Nh khai năm 2002, bà Ng có khởi kiện tranh chấp đất với cụ D1 tại Tòa án và đã xét xử xác định đất là của cụ D1, tuy nhiên cấp sơ thẩm chưa làm rõ vấn đề này. Tại cấp phúc thẩm, các đương sự đều thừa nhận vào khoảng năm 2002, bà Ng có tranh chấp với cụ D1 về việc chia đất. Bà Ng xác định có làm đơn tranh chấp, vụ việc được giải quyết tại Ủy ban nhân dân phường 3, sau đó bà không tiếp tục khởi kiện mà đồng ý cùng vớicụ D1 bán phần đất phía sau. Do đó, cần thu thập hồ sơ giải quyết tranh chấp đất, hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất của cụ D1 đối với các phần đất đã chuyển nhượng để làm rõ thời điểm lập di chúc có đồng thời với việc chuyển nhượng hay không, vì sao cụ D1 cùng các con chuyển nhượng đất nhưng lại lập di chúc định đoạt phần đất còn lại; vì sao ông Đ chỉ kê khai trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rằng cụ D1,cụ N2chỉ có 02 người con;cụ D1 lập di chúc trước hay sau khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất để làm rõ ý chí của cụ D1 khi lập di chúc.

[7] Tại cấp phúc thẩm, các đương sự trình bày thêm:Khi cụ D1 còn sống, đã tặng cho anh Nh và bà Tuyết A mỗi người 5 mngang đất, anh Nh cất nhà cấp 4 từ năm 2002, bà Tuyết A cất nhà tạm để ở từ năm 1995, năm 2017 xây dựng nhà kiên cố (có hộ khẩu riêng từ năm 1998). Nay chị Th, anh N1, chị V, anh L1, anh L vàbà Ng yêu cầu giữ nguyên phần cụ D1 đã tặng cho anh Nh và bà Tuyết A , phần còn lại là căn nhà thờ yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

[8] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; việc thu thập chứng cứ và chứng minh của cấp sơ thẩm chưa đầy đủ, cấp phúc thẩm không khắc phục được, nên phải hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Toà án cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[9] Do hủy án sơ thẩm nên không xem xét kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[10] Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, 310 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 83/2021/DS-ST ngày 20 tháng 10 năm 2021, của Toà án nhân thành phố T, tỉnh Tây Ninh.Chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Được xác định lại khi xét xử sơ thẩm lại vụ án.

2.2. Án phí phúc thẩm dân sự: Chị Lê Thị Xuân Th, bà Lê Thị Tuyết Ng, anh Ngô Tấn L1, anh Ngô Tấn L, chị Ngô Thị Bích V, anh Lê Thành N1 không phải chịu.

Hoàn trả cho bà Lê Thị Xuân Th,bà Lê Thị Tuyết Ng,anh Ngô Tấn L1,anh Ngô Tấn L,chị Ngô Thị Bích V vàanh Lê Thành N1mỗi người 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo các biên lai thu số 0000586ngày 02/11/2021, biên lai số0000633,0000634, 0000635, 0000636, 0000637 cùng ngày 17/11/2021,của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND. TTN;
- TAND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Võ Thị Hồng Mai